

Số: /2021/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các văn bản pháp luật hiện hành.

c) Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách chi được thực hiện theo các văn bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban bầu cử huyện, thành phố; Ủy ban bầu cử xã, phường, thị trấn.

d) Các Ban bầu cử, Tổ bầu cử thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

đ) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ

Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có phụ lục kèm theo Nghị quyết)

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do ngân sách Trung ương đảm bảo và được bổ sung một phần từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Đối với khối lượng công việc đã triển khai thực hiện trước khi văn bản này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 22 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Trg).

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Minh Xuân

PHỤ LỤC

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày /3/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị				
a	Mức chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo Mục 2 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội nghị hiệp thương				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người /buổi	60.000	50.000	40.000
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử để giải quyết các vấn đề theo yêu cầu, nhiệm vụ				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người /buổi	150.000	100.000	70.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người /buổi	80.000	60.000	40.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người /buổi	50.000	40.000	30.000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang, các đoàn công tác được chi như sau:				
a	Trưởng đoàn	đồng/người /buổi	200.000	140.000	100.000
b	Thành viên chính thức của đoàn	đồng/người /buổi	100.000	80.000	60.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn				
-	Phục vụ trực tiếp đoàn	đồng/người /buổi	80.000	70.000	50.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, bảo vệ)	đồng/người /buổi	50.000	40.000	30.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/báo cáo	2.500.000	2.000.000	1.500.000
-	Mức chi tham gia ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia đối với các báo cáo trên (tối đa không quá 03 lần/báo cáo)	đồng/người /lần	200.000	150.000	100.000
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	600.000	450.000	300.000
4	Chi xây dựng văn bản				
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
b	Chi xây dựng các văn bản (không bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a khoản 4 và báo cáo quy định tại điểm d khoản 3 Phụ lục này) bao gồm: Kế hoạch, quyết định, báo cáo tổng kết, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	2.000.000	1.500.000	1.000.000
-	Mức chi tham gia ý kiến bằng văn bản (tối đa không quá 03 lần/văn bản)	đồng/người /lần	200.000	150.000	100.000
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
-	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	đồng/người/ tháng	1.500.000	1.200.000	750.000
-	Thành viên Ban chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử	đồng/người/ tháng	1.300.000	1.000.000	700.000
-	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ				
b	Bồi dưỡng đối với các đối tượng là thành viên các Ban bầu cử, Tổ bầu cử trong đợt bầu cử và các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người/ ngày	80.000	60.000	50.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán trong trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	1.000.000	700.000	500.000
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/ngày	150.000		
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Thành viên Ban chỉ đạo, Thành viên Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	100.000		
b	Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/người/tháng	80.000		
c	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động tính từ thời gian Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực tới khi kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 5 tháng				
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
a	Người được giao trực, tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	70.000	60.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	50.000	40.000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	50.000	40.000
8	Chi đóng hòm phiếu				
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung; chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa	đồng/hòm phiếu	350.000		
9	Chi khắc dấu				
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung; chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa	đồng/dấu	250.000		
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử				
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung; chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa	đồng/bảng	1.000.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
11	Chi công tác tuyên truyền, in ấn như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử; thẻ cử tri; phiếu bầu cử; nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu; các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử; phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử; tiểu sử; các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử. Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu				
12	Chi hỗ trợ cho địa điểm bỏ phiếu				
	Văn phòng phẩm		100.000		
	Trang trí	đồng/địa điểm bỏ phiếu	850.000		
	Nước uống		150.000		
13	Hỗ trợ công tác vận chuyển, quản lý và kiểm phiếu bầu	đồng/địa điểm bỏ phiếu	200.000		
14	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				
15	Các nội dung chi khác chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và văn bản quy phạm pháp luật khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt				